

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65/2025/LĐ-ST
Ngày: 17 – 4 – 2025
V/v “Vô hiệu hợp đồng lao động
và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thị Kiều Loan;
- Bà Nguyễn Thị Rạt.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Võ Đông Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 152/2024/TLST – LĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST – LĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-LĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Lan H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn C)

Địa chỉ trụ sở: Ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông CHU YUAN HWA – Giám đốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Diễm H1, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Địa chỉ trụ sở: Số H T tránh, phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S, chức vụ: Giám đốc

(Bị đơn vắng mặt, các đương sự còn lại có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 9 năm 2024 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 22 tháng 01 năm 2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan H trình bày:

Từ tháng 11/2010 đến tháng 12/2015, bà Nguyễn Thị Lan H làm việc tại Công ty TNHH Y, bà có tham gia bảo hiểm với sổ bảo hiểm xã hội số 8010043266.

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà Nguyễn Thị Diễm H1 có thể đi làm tạo thu nhập lo cho gia đình, nên bà đã cho bà Diễm H1 mượn giấy chứng minh nhân dân để bà Diễm H1 đi làm tại Công ty TNHH S1 trong khoảng thời gian từ tháng 5/2009 đến tháng 01/2011. Khi bà Diễm H1 mang tên bà Lan H làm việc tại Công ty TNHH S1 thì bà Diễm H1 cũng tham gia bảo hiểm mang tên Nguyễn Thị Lan H với sổ bảo hiểm xã hội số 8009008812.

Việc bà cho bà Lan H mượn giấy chứng minh nhân dân là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH S1 không phải do bản thân bà Diễm H1 thực hiện. Hiện nay tồn tại hai sổ sổ bảo hiểm xã hội là 8010043266 và 8009008812 cùng mang tên là Nguyễn Thị Lan H nên bà Lan H không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được.

Do đó bà Lan H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa bà Nguyễn Thị Lan H (do bà Nguyễn Thị Diễm H1 làm việc) với Công ty TNHH S1 (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn C) trong khoảng thời gian từ tháng 5/2009 đến tháng 01/2011;

2/ Điều chỉnh tên Nguyễn Thị Lan H trên sổ bảo hiểm xã hội số 8009008812 thành tên Nguyễn Thị Diễm H1.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn C) vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diễm H1 có văn bản trình bày: Bà xác định có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Lan H để vào làm việc tại Công ty TNHH S1 từ tháng 5/2009 đến tháng 01/2011 và có tham gia bảo hiểm xã hội. Bà đã hưởng chế độ BHXH một lần trên thời gian tham gia này với số tiền 4.666.155 đồng và đã hưởng chế độ trợ cấp BHTN với số tiền hàng tháng 869.000 đồng (hưởng 3 tháng). Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Lan H và đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật. Bà Diễm H1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày: Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH S1 (nay là Công ty TNHH C) có tham gia bảo hiểm

cho bà Nguyễn Thị Lan H từ tháng 5/2009 đến tháng 01/2011 với số bảo hiểm số 8009008812, bà Lan H đã hưởng chế độ BHXH một lần trên thời gian tham gia này với số tiền 4.666.155 đồng và đã hưởng chế độ trợ cấp BHTN với số tiền hàng tháng 869.000 đồng (hưởng 3 tháng).

Đối với trường hợp mượn hồ sơ của người khác để ký hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc và tham gia BHXH, BHTN và BHYT, thực hiện công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1, căn cứ vào bản án đã có hiệu lực của Tòa án, BHXH tỉnh L thực hiện theo nội dung Thông báo số 357/TB-TA ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

Quan điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan H về việc vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Lan H (do bà Nguyễn Thị Diễm H1 thực hiện) với Công ty TNHH S1 (nay là Công ty TNHH C) từ tháng 5/2009 đến tháng 01/2011; Điều chỉnh tên Nguyễn Thị Lan H trên sổ bảo hiểm xã hội số 8009008812 thành tên Nguyễn Thị Diễm H1. Bởi vì thực tế bà Nguyễn Thị Lan H không phải là người lao động mà bà Nguyễn Thị Diễm H1 mới là người lao động tại Công ty TNHH S1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan H nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Công ty TNHH S1 (nay là Công ty TNHH C) có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Lan H là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH S1 (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn C) là người bị kiện được xác định là bị đơn. Bà Nguyễn Thị Diễm H1 và Bảo hiểm xã hội tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Lan H khởi kiện Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 (nay là Công ty TNHH C) vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo nên bà Lan H có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Chứng cứ bà Nguyễn Thị Lan H có nộp sổ BHXH số 8010043266 và Bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội đối với sổ bảo hiểm số 8009008812.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bộ luật Lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Thời điểm giải quyết tranh chấp thì Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng lao động: Bà Nguyễn Thị Lan H khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Nguyễn Thị Diễm H1 do bà Diễm H1 là người trực tiếp lao động với Công ty TNHH S1 (nay là Công ty TNHH C) là vô hiệu. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị Lan H không cung cấp được hợp đồng lao động do bị thất lạc. Căn cứ vào Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH S1 (nay là Công ty TNHH C) có tham gia bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị Lan H từ tháng 5/2009 đến tháng 01/2011 với sổ bảo hiểm số 8009008812 nên có căn cứ xác định giữa bà Nguyễn Thị Lan H với Công ty TNHH S1 (nay là Công ty TNHH C) có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng từ tháng 5/2009 đến tháng 01/2011.

[2.2]. Xét thấy, bà Nguyễn Thị Lan H có cho bà Nguyễn Thị Diễm H1 mượn chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Lan H để xác lập hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 5/2009 đến tháng 01/2011 tại Công ty TNHH S1 (nay là Công ty TNHH C) theo sổ BHXH số 8009008812. Trong khi đó bà Nguyễn Thị Lan H cũng tham gia lao động tại Công ty TNHH Y và tham gia bảo hiểm với sổ bảo hiểm xã hội số 8010043266.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 5/2009 đến tháng 01/2011 thì người mang tên Nguyễn Thị Lan H cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH S1 (nay là Công ty TNHH C) và Công ty TNHH Y.

Do đó, việc bà Nguyễn Thị Diễm H1 tham gia trực tiếp lao động với Công ty TNHH S1 (nay là Công ty TNHH C) nhưng ký hợp đồng lao động với tên người lao động là Nguyễn Thị Lan H là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4

Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Lan H với Công ty TNHH S1 (nay là Công ty TNHH C) là không có hiệu lực.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu: Do hợp đồng lao động bị vô hiệu nên sẽ điều chỉnh tên Nguyễn Thị Lan H trên sổ bảo hiểm xã hội số 8009008812 trong giai đoạn từ tháng 5/2009 đến tháng 01/2011 tại Công ty TNHH S1 (nay là Công ty TNHH C) thành tên Nguyễn Thị Diễm H1.

[3]. Bà Nguyễn Thị Diễm H1, Công ty TNHH S1 (nay là Công ty TNHH C) không có tranh chấp gì trong vụ án nên không đề cập xem xét.

[4]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Lan H tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 184, Điều 186, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 15; Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan H về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” với Công ty TNHH S1 (nay là Công ty TNHH C).

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Lan H (do bà Nguyễn Thị Diễm H1 là người trực tiếp lao động) với Công ty TNHH S1 (nay là Công ty TNHH C) từ tháng 5/2009 đến tháng 01/2011;

1.2. Điều chỉnh tên Nguyễn Thị Lan H trên sổ bảo hiểm số 8009008812 thành tên Nguyễn Thị Diễm H1.

Bà Nguyễn Thị Lan H và bà Nguyễn Thị Diễm H1 được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh L để điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội số 8009008812 từ tên Nguyễn Thị Lan H sang tên Nguyễn Thị Diễm H1.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Lan H tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Lan H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005802 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Lan H đã nộp đủ tiền án phí lao động sơ thẩm.

3. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vụ

